UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SĨ SỐ HỌC SINH, SINH VIÊN THÁNG 11 / 2015

Tính đến ngày 10/ 11/ 2015

KHÓA 2014 TCCN									
	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH		LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1	14TC-ĐT	8			6	14TC-Ô2	27		
2	14TC-Đ1	37			7	14TC-MT	27	24	
3	14TC-ĐL	31			8	14TC-QTM	20		2
4	14TC-CKT_P	38		1					
5	14TC-Ô1	31		4		**TỔNG CỘNG**	**219**	**24**	**7**

KHÓA 2015 TCCN (12+2)_(TN_THPT hoặc chưa TN_THPT)									
	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH		LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1	15TN-Đ	29			4	15TN-Ô	20		
	15TCT-Đ	48				15TCT-Ô	55		
2	15TN-NL	16			5	15TN-MTT	7	6	
	15TCT-ĐL	16				15TCT-MTT	4	4	
3	15TN-CK	21			6	15TN-QTM	12	1	
	15TCT-CK	24				15TCT-QTM	19		
						TỔNG CỘNG	**271**	**11**	**0**

KHÓA 2015 TCCN (9+3)									
	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH		LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1	15TC-Đ	36			4	15TC-QTM	42	5	
2	15TC-NL	22							
3	15TC-Ô	51				**TỔNG CỘNG**	**151**	**5**	**0**

KHÓA 2013 CAO ĐẲNG									
	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH		LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1	13CĐ-ĐT1	64	1	2	11	13CĐ-Ô1	61		
2	13CĐ-ĐT2	65		5	12	13CĐ-Ô2	60		
3	13CĐ-Đ1	50			13	13CĐ-Ô3	61	1	
4	13CĐ-Đ2	51		2	14	13CĐ-M	56	52	
5	13CĐ-Đ3	49		1	15	13CĐ-TP1	40	6	
6	13CĐ-NL1	56	1		16	13CĐ-TP2	33	2	
7	13CĐ-CK1	57		1	17	13CĐ-TM1	40	5	3
8	13CĐ-CK2	57		2	18	13CĐ-TM2	38	3	
9	13CĐ-CK3	57		3					
10	13CĐ-CK4	55		1		**TỔNG CỘNG**	**950**	**71**	**20**

KHÓA 2014 CAO ĐẲNG								
	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH		LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1	14CĐ-ĐT1	52		2	10	14CĐ-Ô2	56		1
2	14CĐ-ĐT2	55			11	14CĐ-Ô3	56		2
3	14CĐ-Đ1	51			12	14CĐ-Ô4	56		
4	14CĐ-Đ2	49		1	13	14CĐ-Ô5	59		6
5	14CĐ-NL1	39			14	14CĐ-M1	39	37	1
6	14CĐ-CK1	65	2	6	15	14CĐ-TP1	39		1
7	14CĐ-CK2	63		3	16	14CĐ-TP2	39	3	3
8	14CĐ-CK3	64		4	17	14CĐ-TM1	30	1	
9	14CĐ-Ô1	57		5		**TỔNG CỘNG**	**869**	**43**	**35**

KHÓA 2015 CAO ĐẲNG								
	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH		LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1	15CĐ-ĐĐT1	59	1		22	15CĐ-Ô1	58		
2	15CĐ-ĐĐT2	57			23	15CĐ-Ô2	58		
3	15CĐ-ĐĐT3	56			24	15CĐ-Ô3	58		
4	15CĐ-ĐĐT4	58			25	15CĐ-Ô4	58		
5	15CĐ-ĐĐT5	57			26	15CĐ-Ô5	58		
6	15CĐ-ĐĐT6	58			27	15CĐ-Ô6	57		
7	15CĐ-ĐĐT7	54			28	15CĐ-Ô7	57		
8	15CĐ-ĐĐT8	56			29	15CĐ-Ô8	57	1	
9	15CĐ-ĐĐT9	46	1		30	15CĐ-Ô9	22		
10	15CĐ-ĐL1	60			31	15CĐ-MTT1	58	46	
11	15CĐ-ĐL2	61			32	15CĐ-MTT2	59	49	
12	15CĐ-ĐL3	66			33	15CĐ-MTT3	57	53	
13	15CĐ-CK1	59			34	15CĐ-CNTT1	58	1	
14	15CĐ-CK2	60			35	15CĐ-CNTT2	56	1	
15	15CĐ-CK3	59			36	15CĐ-CNTT3	58	4	
16	15CĐ-CK4	58			37	15CĐ-CNTT4	57	3	
17	15CĐ-CK5	58			38	15CĐ-CNTT5	58	4	
18	15CĐ-CK6	59	1		39	15CĐ-CNTT6	58	5	
19	15CĐ-CK7	58			40	15CĐ-CNTT7	29	2	
20	15CĐ-CK8	59							
21	15CĐ-CK9	57	1			**TỔNG CỘNG**	**2246**	**173**	**0**

KHÓA 2015 CAO ĐẲNG NGHỀ_(12+3)								
	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH		LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1	15CĐN-Ô	66			2	15CĐN-QTD	20	11	
						TỔNG CỘNG	**86**	**11**	**0**

KHÓA 2015 CAO ĐẲNG NGHỀ_(9+4)								
LỚP		TS	Nữ	BL-TNH	LỚP		TS	Nữ	BL-TNH
1	15TCN-Đ	49			7	15TCN-MTT	29	24	
2	15TCN-ĐT	44			8	15TCN-QTM1	64	8	
3	15TCN-LĐL	52			9	15TCN-QTM2	63	6	
4	15TCN-CKL	53			10	15TCN-KTD	42	30	
5	15TCN-Ô1	58							
6	15TCN-Ô2	55			**TỔNG CỘNG**		**509**	**68**	**0**

* Tổng HSSV toàn Trường: **105 Lớp** **5301** **(Nữ: 406)**
- Cao đẳng chuyên nghiệp: 4065 (Nữ: 287)
- Cao đẳng nghề (12+3): 86 (Nữ: 11)
- Cao đẳng nghề (9+4): 509 (Nữ: 68)
- Trung cấp chuyên nghiệp (12+2): 490 (Nữ: 35)
- Trung cấp chuyên nghiệp (9+3): 151 (Nữ: 5)

* Trong đó: Tuyển mới NH.15-16 có : **3263 /62 Lớp**
- Cao đẳng chuyên nghiệp: 2246 /40 Lớp
- Cao đẳng nghề_(12+3): 86 /02 Lớp
- Cao đẳng nghề (9+4): 509 /10 Lớp
- Trung cấp chuyên nghiệp (12+2): 271 /06 Lớp
- Trung cấp chuyên nghiệp (9+3): 151 /04 Lớp

* Tổng số HSSV theo địa giới:
- Hộ khẩu TP.Hồ Chí Minh (A): 1,713
- Hộ khẩu Tỉnh (B): 3,588

* Khóa 2015 TCCN(12+2) TN.THPT hoặc chưa TN.THPT, TCCN(9+3) ngày **05/10/2015** học theo TKB

* Khóa 2015 Cao đẳng chuyên nghiệp **12/10/2015** học theo TKB

* Khóa 2015 Cao đẳng nghề (12+3 và 9+4) ngày **19/10/2015** học theo TKB

* Bảo lưu & Tạm ngừng học vào học tiếp **62**

*** Tỷ lệ hao hụt**	**15-16**	**Giảm/NH**	**Giảm/T**	**Tỷ lệ % /năm học**	**Tỷ lệ % /tháng**
- Khóa: 2014 TCCN	219	0	0	0.00	0.00
- Khóa: 2015 TCCN (12+2)	271	0	0	0.00	0.00
- Khóa: 2015 TCCN (9+3)	152	1	1	0.66	0.66
- Khóa: 2013 Cao đẳng	954	4	0	0.42	0.00
- Khóa: 2014 Cao đẳng	871	2	0	0.23	0.00
- Khóa: 2015 Cao đẳng	2249	3	3	0.13	0.13
- Khóa: 2015 Cao đẳng nghề (12+3)	86	0	0	0.00	0.00
- Khóa: 2015 Cao đẳng nghề (9+4)	509	0	0	0.00	0.00
Tổng toàn trường =	**5311**	**10**	**4**	**0.19**	**0.08**

*** Trong đó: Tổng số HSSV ở các Khoa**

Khoa	Lớp	TCCN	Lớp	Cao đẳng	Tổng số	Ghi chú
Khoa Công nghệ Điện-Điện tử	6	251	18	987	**1238**	
Khoa CN Nhiệt lạnh	4	137	5	282	**419**	
Khoa CN Cơ khí	3	136	16	945	**1081**	
Khoa CN Động lực	6	297	18	1015	**1312**	
Khoa Công nghệ May - Thời trang	3	67	5	269	**336**	
Khoa Công nghệ Thông tin	5	220	14	633	**853**	
Khoa Kinh tế	1	42	1	20	**62**	
Tổng toàn trường	**28**	**1150**	**77**	**4151**	**5301**	**105**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2015

KT.HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG TTGD-CTSV **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Lâm **Nguyễn Văn Dũng**